

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tam Xuân)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và đạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tín	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác				
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=5/1
	Tổng	41.046.670.427	5.763.803.000	19.767.000.000	14.064.255.427	25.839.362.025	263.033.000					668.809.000		136.507.000	21.911.000	24.139.283.025	12.762.888.500	7.034.200.000	4.342.194.525	59.819.000	550.000.000		62,95
	Xã Tam Xuân	41.046.670.427	5.763.803.000	19.767.000.000	14.064.255.427	25.839.362.025	263.033.000					668.809.000		136.507.000	21.911.000	24.139.283.025	12.762.888.500	7.034.200.000	4.342.194.525	59.819.000	550.000.000		62,95
1	Tổng hợp ngân sách xã	41.046.670.427	5.763.803.000	19.767.000.000	14.064.255.427	25.839.362.025	263.033.000					668.809.000		136.507.000	21.911.000	24.139.283.025	12.762.888.500	7.034.200.000	4.342.194.525	59.819.000	550.000.000		62,95
	Đường GTNT xã Tam Xuân 1. Tuyến Quốc lộ 1A đến cầu máng Tam Tiến	30.000.000	30.000.000			30.000.000										30.000.000	30.000.000						100,00
	Bê tông hóa giao thông nông thôn tuyến Diêm Trà- Tú phong	4.680.000	4.680.000			4.680.000										4.680.000	4.680.000						100,00
	Chợ Tam Xuân I	700.000.000			700.000.000	700.000.000										700.000.000			700.000.000				100,00
	Mương thoát nước ứng thôn Hà Quang	42.894.000			42.894.000	42.894.000										42.894.000		42.894.000					100,00
	Thủy lợi hóa đất màu thôn Diêm Trà	22.275.000			22.275.000	22.275.000										22.275.000		22.275.000					100,00
	Kê khu thể thao nổi dài và hệ thống thoát nước	136.507.000			136.507.000	136.507.000								136.507.000									100,00
	Ao gom nước nhĩ và hệ thống mương tự chảy thôn Tân Bình Trung	69.101.000			69.101.000	67.305.000										67.305.000		67.305.000					97,40
	Công trình thoát nước thải, xử lý nước thải khu dân cư Hà Lộc, xã Tam Tiến	21.911.000			21.911.000	21.911.000									21.911.000								100,00
	Cảnh quan môi trường nông thôn xã Tam Tiến (Bón hoa, cây xanh, diện chiếu sáng đường trục chính)	31.538.000			31.538.000	31.538.000										31.538.000			31.538.000				100,00
	Kê bên cá, đường bê tông từ bên cá vào chợ Tân Bình Trung	23.604.000			23.604.000	23.604.000										23.604.000			23.604.000				100,00
	Nhà hậu cần công an xã Tam Tiến	9.344.000			9.344.000	9.344.000														9.344.000			100,00
	Bê tông hóa mặt đường GTNT năm 2021 xã Tam Xuân I	150.730.000			150.730.000	150.730.000										150.730.000	150.730.000						100,00
	Nâng cấp, cải tạo sân vườn UBND xã	50.136.000			50.136.000	11.121.000														11.121.000			22,18
	Bê tông hóa mặt đường tuyến từ QL 1A đến đài Tướng Niệm	14.582.000			14.582.000	10.229.000										10.229.000	10.229.000						70,15

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác				
	Xây mới cống qua kênh tổ 5, tổ 7 thôn Phú Nam, tổ 1 xóm Đào thôn Thạch Kiều	33.620.000			33.620.000	31.129.000										31.129.000		31.129.000					92,59
	Trụ sở UBND xã Tam Tiến (Hạng mục: hoàn thiện cảnh quan sân vườn (nền sân, cây xanh, cấp điện, cấp nước...) và cái tạo tường rào, cổng ngõ)	39.354.000			39.354.000	39.354.000														39.354.000			100,00
	Xây dựng khu thể thao thôn Phú Nam. Hạng mục: Sân bóng chuyền	6.000.000			6.000.000	6.000.000						6.000.000											100,00
	Tường rào, cổng ngõ, sân bê tông nhà văn hóa thôn Phú Bình	42.881.000			42.881.000	42.881.000						42.881.000											100,00
	Công qua đường kết hợp ngăn mặn thôn Bà Bầu	63.790.000			63.790.000	63.790.000										63.790.000		63.790.000					100,00
	Nâng cấp mặt đường tuyến từ QL1- Chùa, xã Tam Xuân II	54.691.000	9.382.000		45.309.000	50.000.000										50.000.000	50.000.000						91,42
	Kênh từ nhà ông Phước đến nương Hòa	89.614.000			89.614.000	89.614.000										89.614.000		89.614.000					100,00
	Sa Gò Tiền và Sa Ba Cửa	87.060.000			87.060.000	78.253.000										78.253.000		78.253.000					89,88
	Hệ thống thoát nước, xử lý nước ngập ứng khu dân cư thôn Hà Lộc	211.683.000			211.683.000	211.683.000										211.683.000			211.683.000				100,00
	Đường GTNT tuyến từ ngã ba Nguyễn Văn Tuyên đến nhà Nguyễn Ngọc Trương, giáp kênh N2.7 (Đoạn từ nhà Ông Hùng đến kênh N2.7)	51.552.000			51.552.000	50.058.000										50.058.000	50.058.000						97,10
	Đường GTNT tuyến giao thông 104 đến nhà Ông Ung Tông, thôn Bích Ngô	71.099.000			71.099.000	58.026.000										58.026.000	58.026.000						81,61
	Đường GTNT tuyến từ kênh N3-2-7 đến xóm mới đội 5	171.202.000	171.202.000			171.202.000										171.202.000	171.202.000						100,00
	kênh tuyến Ông Hoạt đến bầu Cầm thôn Bích Ngô	10.407.000	20.814.000		-10.407.000	10.407.000										10.407.000		10.407.000					100,00

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác				
	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Tam Xuân I. Tuyến: Cầu máng - Phạm Văn Châu	250.000.000		250.000.000		249.640.000										249.640.000	249.640.000						99,86
	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Tam Xuân I. Tuyến: Nhà ông Nghi - Nhà bà Công	109.276.000		50.000.000	59.276.000	109.276.000										109.276.000	109.276.000						100,00
	Nhà văn hóa Phú Đông. Hạng mục: Nâng cấp sân nền, tường rào, cổng ngõ nhà văn hóa	158.239.000	25.648.000		132.591.000	158.239.000						158.239.000											100,00
	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Tam Xuân I. Tuyến: Ngõ ông Đà - Ngõ ông Quang	273.395.000		120.000.000	153.395.000	271.999.000										271.999.000	271.999.000						99,49
	Cầu qua kênh Vĩnh An Nam	67.950.000			67.950.000	60.801.000										60.801.000		60.801.000					89,48
	Kênh N3-3 Nam Phú Ninh (giai đoạn 2) từ QL1A đi Châu Ngọc Diếp	200.000.000		200.000.000		200.000.000										200.000.000		200.000.000					100,00
	Kiến cổ hóa đường GTNT xã Tam Xuân II. Tuyến : Nguyễn Linh đến giáp nhà Đoãn Bá Sơn	157.563.000			157.563.000	153.382.000										153.382.000	153.382.000						97,35
	Kênh từ hội trường thôn Phú Đông - Sa đằm (thôn Phú Đông)	61.200.000			61.200.000	34.162.000										34.162.000		34.162.000					55,82
	Kênh từ đường cao tốc - Nhà ông Lượng (thôn Bích An)	222.327.000			222.327.000	191.829.000										191.829.000		191.829.000					86,28
	BTH kênh nội đồng: Ruộng Luông - Bàu Vó (Thôn Bích Trung)	111.078.000			111.078.000	94.954.000										94.954.000		94.954.000					85,48
	Khu neo đậu tránh trú bão thôn Phú Đông, xã Tam Xuân I	792.511.000			792.511.000	792.511.000										792.511.000	792.511.000						100,00

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và đạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tán	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác				
	Hỗ trợ xây dựng chòi/phòng trú bão, lũ, lụt giai đoạn 2021-2025 tại xã Tam Tiến, huyện Núi Thành	660.000.000			660.000.000	500.000.000															500.000.000		75,76
	Sửa chữa tuyến đường Bà Bầu đi Thạch Kiều, xã Tam Xuân II	584.644.000			584.644.000	561.092.000										561.092.000	561.092.000						95,97
	Mở rộng hệ thống điện chiếu sáng xã Tam Tiến	231.127.000			231.127.000	230.476.525										230.476.525			230.476.525				99,72
	Mở rộng hệ thống điện chiếu sáng xã Tam Xuân II	206.038.000			206.038.000	188.616.000										188.616.000			188.616.000				91,54
	Mở rộng hệ thống điện chiếu sáng xã Tam Xuân I	210.614.000		150.000.000	60.614.000	210.614.000										210.614.000			210.614.000				100,00
	Kênh N3-2 đến nhà ông Bồ (thôn Phú Trung Đông)	51.800.000			51.800.000	51.800.000										51.800.000		51.800.000					100,00
	Đường GTNT tuyến từ hộ Trần Văn Tri đến hộ Trần Văn Nhi, thôn Bích Nam	109.935.000			109.935.000	93.013.000										93.013.000	93.013.000						84,61
	Đường nương chợ đến giáp để mới thôn Tân Lộc Ngọc	27.543.000			27.543.000	27.543.000										27.543.000	27.543.000						100,00
	Đường nương ông Kiệm đến giáp đập thôn Tân Lộc Ngọc	170.086.000	60.000.000		110.086.000	170.086.000										170.086.000	170.086.000						100,00
	Đường nương ông Nguyễn Tử đến giáp mương trường thôn Tân Lộc Ngọc	171.856.000	60.000.000		111.856.000	171.856.000										171.856.000	171.856.000						100,00
	Kiên cố hoá đường GTNT xã Tam Xuân I. Tuyến thôn Bích Tân, Bích An	4.615.507.427	1.065.747.000	5.000.000.000	-1.450.239.573	3.853.509.000										3.853.509.000	3.853.509.000						83,49
	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa Trang Liệt Sĩ xã Tam Tiến	50.000.000		50.000.000		50.000.000															50.000.000		100,00
	KCH tuyến đường GTNT- tuyến công chào thôn Phú Đông-nhà ông Nhon (thôn Phú Đông)	149.877.000	80.000.000		69.877.000	118.524.000										118.524.000	118.524.000						79,08

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và đạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác				
	kch Tuyến đường GTNT- Tuyến từ Ngõ bà Nguyễn Thị Hiệp đến ngõ ông Võ Xuân Chung (Thôn Bích An)	63.790.000	20.000.000		43.790.000	61.317.000										61.317.000	61.317.000						96,12
	KCH tuyến đường GTNT- Tuyến từ Kênh N1- nhà bà Thắng (Khuong Mỹ)	79.731.000	30.000.000		49.731.000	79.731.000										79.731.000	79.731.000						100,00
	Đường giao thông nội đồng - Đường nương ông Sum đến giáp đường giao thông nông thôn do bà Đặng thôn Tân Lộc Ngọc	41.068.000			41.068.000	41.068.000										41.068.000	41.068.000						100,00
	Đường giao thông nội đồng - Đường giữa đồng từ nhà văn hóa Bán Long đến trường Phan Bá Phiến thôn Long Thành	65.692.000			65.692.000	65.692.000										65.692.000	65.692.000						100,00
	Hệ thống nước sạch xã Tam Tiến	5.084.713.000	10.438.000	4.000.000.000	1.074.275.000	2.745.663.000										2.745.663.000		2.745.663.000					54,00
	Nhà văn hóa thôn Long Thành, hạng mục: Tường rào xanh thuộc khuôn viên	180.689.000			180.689.000	180.689.000						180.689.000											100,00
	Đê bao bờ Bắc đập Passcal (giai đoạn 2) năm 2024	62.189.000			62.189.000	61.093.000										61.093.000	61.093.000						98,24
	Sân bóng đá 7 người tại trường THCS Chu Văn An; Hạng mục: Sân cỏ nhân tạo, lưới chắn, hệ thống điện chiếu sáng, mương thoát nước	300.000.000	200.000.000		100.000.000	263.033.000	263.033.000																87,68
	KCH kênh mương từ trường Nguyễn Văn Trỗi đến Bàu Mùn	116.337.000		80.000.000	36.337.000	71.356.000										71.356.000	71.356.000						61,34

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác				
	KCH đường GTGT năm 2022 xã Tam Xuân I, Tuyến: Quốc lộ 1A- Cầu máng Tam Tiến (Phú Trung Đông)	4.539.799.000	432.714.000	2.887.000.000	1.220.085.000	2.983.337.000										2.983.337.000	2.983.337.000						65,72
	Nạo vét kênh tiêu Bàu Sen	529.022.000	279.022.000		250.000.000	529.022.000										529.022.000		529.022.000					100,00
	Nâng cấp, mở rộng giao thông nội đồng tuyến Trám bom - đồng ở Gã, bàu Yên tại thôn Vĩnh An Bắc	1.044.000.000	294.000.000	1.500.000.000	-750.000.000	882.000.000										882.000.000	882.000.000						84,48
	BTH kênh nội đồng kênh đồng Gò Gạch (thôn Bích Trung)	14.194.000	14.194.000			14.194.000										14.194.000		14.194.000					100,00
	Nhà văn hóa thôn Ngọc An, hạng mục: Tường rào xanh thuộc khuôn viên	140.500.000	50.000.000		90.500.000	140.500.000						140.500.000											100,00
	Nhà văn hóa thôn Long Thạnh, hạng mục: Tường rào xanh thuộc khuôn viên	140.500.000	50.000.000		90.500.000	140.500.000						140.500.000											100,00
	Nạo vét kênh tiêu Hồ Rác	42.445.000			42.445.000	42.445.000										42.445.000		42.445.000					100,00
	Di dời trụ điện các tuyến đường trên địa bàn xã Tam Xuân II	241.431.000	78.431.000		163.000.000	213.781.500										213.781.500	213.781.500						88,55
	Nâng cấp, sửa chữa kênh N-6 Nam Phú Ninh thôn Bích Ngõ, Phú Khê	5.050.000.000		5.050.000.000		5.050.000.000										5.050.000.000		5.050.000.000					100,00
	KCH kênh mương tuyến Nguyễn Thế Nhiệm đi Vĩnh An Bắc	226.877.000			226.877.000	226.877.000										226.877.000		226.877.000					100,00
	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Tiến tuyến nhà Nguyễn Thị Hồng Ý đến nhà Mai Văn Viễn	350.000.000			350.000.000	304.792.000										304.792.000	304.792.000						87,08

[illegible]

[illegible]